

Quy định về từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài - Một số vấn đề cần lưu ý

13/01/2026 15:30

PHẠM THỊ QUỲNH NGÀ (TANDTC)

Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là Luật mới được xây dựng trên cơ sở tiếp thu những điểm hợp lý của Luật Tương trợ tư pháp và Luật Dẫn độ, phù hợp với pháp luật quốc tế và tình hình thực tiễn ở Việt Nam.

Luật ra đời đã đáp ứng được yêu cầu về cơ sở pháp lý để xử lý việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà trước đây còn gặp khó khăn, vướng mắc do chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý để giải quyết.

1. Khái quát chung

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2025 và sẽ chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026.

Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù năm 2025 gồm 04 Chương với 48 Điều được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài.

Để bảo đảm việc hiểu và áp dụng thống nhất trong thực tiễn, Luật đã có một điều khoản riêng về giải thích từ ngữ, theo đó:

- *Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù* là việc Việt Nam và nước ngoài chuyển giao cho nhau người đang chấp hành án phạt tù có nguyện vọng được chuyển về nước đồng ý tiếp nhận để tiếp tục chấp hành án phạt tù trên cơ sở quy định của pháp luật trong nước, điều ước quốc tế hoặc nguyên tắc có đi có lại.
- *Người đang chấp hành án phạt tù* là người bị kết án phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân và đang chấp hành án tại cơ sở giam giữ phạm nhân.

- *Nước chuyển giao* là nước có thể chuyển giao hoặc đã chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại nước mình sang nước nhận.

- *Nước nhận* là nước có thể tiếp nhận hoặc đã tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù để tiếp tục thi hành án phạt tù.

- *Chuyển đổi hình phạt tù* là việc Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam quyết định chuyển đổi hình phạt tù trong bản án, quyết định của tòa án có thẩm quyền của nước ngoài đã tuyên đối với người đang chấp hành án phạt tù được tiếp nhận về Việt Nam cho phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

2. Quy định về từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài và một số vấn đề cần lưu ý khi áp dụng

Đối với trường hợp từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài được quy định tại Chương III của Luật. Trong phạm vi bài viết này, tác giả nêu, phân tích quy định về chủ thể có thẩm quyền quyết định và các trường hợp từ chối chuyển giao, đồng thời đưa ra một số lưu ý cụ thể sau đây.

Thứ nhất, về chủ thể có thẩm quyền từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài.

Điều 33 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù năm 2025 quy định: “*Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam quyết định từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:...*”.

Như vậy, theo quy định của Điều luật thì chủ thể có thẩm quyền từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài là Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì tổ chức của Tòa án nhân dân bao gồm:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh);
- Tòa án nhân dân khu vực;

- Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Tòa án chuyên biệt);

- Tòa án quân sự trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực (sau đây gọi chung là Tòa án quân sự).

Như vậy, vấn đề đặt ra là Tòa án có thẩm quyền nào của Việt Nam sẽ là chủ thể có thẩm quyền quyết định từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài?

Điều 31 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù năm 2025 quy định về thẩm quyền quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài như sau:

“Tòa án nhân dân khu vực nơi người nước ngoài đang chấp hành án phạt tù có thẩm quyền quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài.”.

Đối với trường hợp chuyển giao thì Luật quy định rất cụ thể chủ thể có thẩm quyền là Tòa án nhân dân khu vực nơi người nước ngoài đang chấp hành án phạt tù; còn đối với trường hợp từ chối chuyển giao thì Luật quy định là Tòa án Việt Nam có thẩm quyền.

Nghiên cứu thêm các quy định tại Chương III Luật này thì thấy, quy định về phiên họp sơ thẩm xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài tại khoản 2 Điều 40 quy định như sau:

“2. Trên cơ sở kết quả phiên họp sơ thẩm, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

b) Quyết định từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và nêu rõ lý do.”.

Như vậy, theo quy định này thì chủ thể có thẩm quyền từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là Tòa án nhân dân khu vực. Đồng thời, Luật cũng quy định rõ, cùng với việc từ chối thì trong quyết định phải nêu rõ lý do.

Quyết định từ chối chuyển giao có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Luật. Khoản 4 Điều 41 Luật này quy định về phiên họp phúc thẩm xem xét quyết định chuyển giao hoặc quyết định từ chối chuyển giao như sau:

“Trên cơ sở kết quả phiên họp phúc thẩm, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

- a) Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định sơ thẩm;*
- b) Sửa quyết định sơ thẩm;*
- c) Hủy quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền để xem xét lại;*
- d) Hủy quyết định sơ thẩm và đình chỉ việc xem xét yêu cầu chuyển giao theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật này;*
- đ) Đình chỉ việc xem xét phúc thẩm.”.*

Thứ hai, về các trường hợp từ chối từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài.

Nội dung này được quy định tại Điều 33 Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù như sau:

Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam quyết định từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Một là, không phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này. Các nguyên tắc gồm:

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- Trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thì việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế;

- Tôn trọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người đang chấp hành án phạt tù.

Hai là, không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật này, gồm:

+ Là công dân của nước nhận hoặc là người được phép cư trú không thời hạn ở nước nhận hoặc được nước nhận đồng ý tiếp nhận;

+ Hành vi phạm tội mà người đó bị kết án tại Việt Nam cũng cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật nước nhận vào thời điểm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

+ Vào thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, thời hạn chưa chấp hành án phạt tù phải còn ít nhất là 01 năm; trong trường hợp đặc biệt, thời hạn này có thể ít hơn 01 năm;

+ Có đủ các điều kiện quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật này;

+ Đã thực hiện xong trách nhiệm dân sự trong bản án, hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản và các trách nhiệm pháp lý khác theo quy định của pháp luật hoặc được nước nhận, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hỗ trợ thực hiện các trách nhiệm pháp lý này hoặc được nước nhận cam kết bảo đảm người đang chấp hành án phạt tù sẽ thực hiện các trách nhiệm pháp lý này sau khi được chuyển giao về nước nhận;

+ Có sự đồng ý của Việt Nam trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước nhận lập yêu cầu chuyển giao hoặc sự đồng ý của nước nhận trong trường hợp Bộ Công an lập yêu cầu chuyển giao.

Ba là, có thể phương hại đến chủ quyền, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng và lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;

Bốn là, có căn cứ cho rằng người được chuyển giao có nguy cơ bị tra tấn, trả thù, truy bức, ngược đãi, phân biệt đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục ở nước nhận.

Như vậy, quy định về chủ thể có thẩm quyền quyết định và các trường hợp từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài đã được ghi nhận khá cụ thể và rõ ràng.

Khi áp dụng trong thực tiễn cần lưu ý, Điều luật quy định Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam ra quyết định từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài nếu thuộc một trong các trường hợp nêu trên; điều đó đồng nghĩa với việc, chỉ cần thuộc một trong các trường hợp trên thì đã có thể bị từ chối chuyển giao mà không đòi hỏi các điều kiện ghi nhận trong các trường hợp khác.

Ví dụ: Chỉ cần xác định thuộc trường hợp có thể phương hại đến chủ quyền, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng và lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam là đã có đủ căn cứ để ra quyết định từ chối, mà không cần phải xem xét đến các quy định về nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này.